

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2022

“V/v ly hôn giữa chị Y và anh T”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải.

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện Th, thành Phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị Y có đơn xin xử án vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày: Chị và anh Phùng Văn T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q vào ngày 11/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lao động tự do tại thành phố Hải Phòng, tháng 6/2021 anh T bị tai nạn giao thông, vợ chồng trở về xã Đ sinh sống. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2021 mâu thuẫn càng tăng, chị Y đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã G sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Y khai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Y khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phùng Văn T: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh T biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh T vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Y được ly hôn anh T; Chị Y anh T không có con chung, không có tài sản chung; Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Y và anh Phùng Văn T được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q vào ngày 11/01/2021 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Y và anh T cùng sinh sống và lao động tự do tại thành phố Hải Phòng, tháng 6/2021 do anh T bị tai nạn giao thông, vợ chồng trở về gia đình anh T tại xã Đ, huyện Q sinh sống. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, thời điểm tháng 6/2021 mâu thuẫn căng thẳng, chị Y đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã G, huyện Th, thành phố Hải Phòng sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Y làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh T quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh T biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ

chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh T vắng mặt. Qua xác minh lời khai ông Phùng Văn Đ1, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn N, xã Đ là bố đẻ anh T và ông H là công chức tư pháp xã Đ đều xác nhận hiện anh T đang sinh sống tại gia đình ông Đ1 và điều trị tai nạn giao thông. Anh T đã biết việc chị Y làm đơn xin ly hôn, anh T đã nhận các giấy tờ của Tòa án tổng đạt và có ý kiến từ chối gặp cán bộ Tòa án và đề nghị xử án vắng mặt. Quan điểm của ông Đ1 và ông H đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị Y theo quy định của pháp luật. Đối với chị Y tại phiên tòa lần 2 chị có đơn xin xử án vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Y được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Y và anh T không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Y được ly hôn anh Phùng Văn T.

2/Về con chung: Chị Y và anh T không có con chung

3/Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004588 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

